

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH HÒA BÌNH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 298/2020/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 23 tháng 7 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức phụ cấp đối với một số chức danh khác; khoản kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia vào công việc ở thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**  
**KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 15**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009;*
- Căn cứ Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Pháp lệnh Công an xã ngày 21 tháng 11 năm 2008;*
- Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;*
- Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*
- Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về bảo vệ dân phố;*
- Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;*
- Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP, ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;*
- Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;*

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn bản;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức phụ cấp đối với một số chức danh khác; khoản kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia vào công việc ở thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); ở thôn, xóm, bản, khu phố, tiểu khu, tổ dân phố,... (sau đây gọi chung là thôn, xóm, tổ dân phố); mức khoản kinh phí hoạt động đối với các đoàn thể chính trị - xã hội ở cấp xã; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia vào công việc của thôn, xóm, tổ dân phố và mức phụ cấp của một số chức danh khác.

2. Đối tượng áp dụng: Cán bộ, công chức cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, xóm, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia vào công việc của thôn, xóm, tổ dân phố; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, đoàn thể và cá nhân có liên quan.

**Điều 2. Số lượng, chức danh và chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.**

1. Quy định số lượng và mức phụ cấp của các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, như sau:

TT	Chức danh	Số lượng chức danh và mức phụ cấp					
		Cấp xã loại I		Cấp xã loại II		Cấp xã loại III	
		Số lượng	Mức phụ cấp	Số lượng	Mức phụ cấp	Số lượng	Mức phụ cấp
1	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy	01	1,5	01	1,4	01	1,3
2	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	01	1,5	01	1,4	01	1,3

3	Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự	01	1,5	01	1,4	01	1,3
4	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	01	1,2	01	1,1	01	1,0
5	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	01	1,2	01	1,1	01	1,0
6	Phó Chủ tịch Hội Nông dân (đối với những đơn vị hành chính cấp xã có Hội Nông dân)	01	1,2	01	1,1	01	1,0
7	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	01	1,2	01	1,1	01	1,3
8	Cán bộ phụ trách Đài truyền thanh và Quản lý nhà văn hóa	01	1,2	01	1,1		
9	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	01	1,2	01	1,1	01	1,0
10	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	01	1,2	01	1,1	01	1,0
	<b>Tổng cộng</b>	10	12,9	10	11,9	9	10,2

a) Mức phụ cấp nêu trên được tính theo hệ số lần mức lương cơ sở/tháng.

b) Đối với cấp xã loại III, bố trí Phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phụ trách Đài truyền thanh và Quản lý nhà văn hóa.

2. Chế độ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế: Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế bắt buộc theo quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế.

3. Cán bộ, công chức cấp xã khi được cấp có thẩm quyền giao kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã mà giảm được 01 người trong số lượng tối đa được quy định tại Khoản 1 Điều này được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% hệ số phụ cấp của chức danh người hoạt động không chuyên trách được giao kiêm nhiệm.

4. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã khi kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã mà giảm được 01 người trong số lượng tối đa được quy định tại Khoản 1 Điều này được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% hệ số phụ cấp của chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được giao kiêm nhiệm.

5. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, xóm, tổ dân phố và được hưởng mức phụ cấp bằng 50% hệ số phụ cấp của chức danh do mình kiêm nhiệm ở thôn, xóm, tổ dân phố.

6. Trường hợp một người được giao kiêm nhiệm nhiều chức danh thì chỉ được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp của chức danh có hệ số phụ cấp cao nhất.

**Điều 3.** Số lượng, chức danh và chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, xóm, tổ dân phố.

1. Mỗi thôn, xóm, tổ dân phố được bố trí không quá 03 người, gồm các chức danh: Bí thư Chi bộ được hưởng phụ cấp 1,0 lần mức lương cơ sở/tháng; Trưởng thôn, xóm hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố được hưởng phụ cấp 1,0 lần mức lương cơ sở/tháng và Trưởng Ban công tác Mặt trận được hưởng phụ cấp 0,8 lần mức lương cơ sở/tháng.

Đối với thôn, xóm có từ 350 hộ gia đình trở lên; thôn, xóm thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; Bí thư Chi bộ và Trưởng thôn, xóm được hưởng phụ cấp 1,5 lần mức lương cơ sở/tháng; Trưởng Ban công tác Mặt trận hưởng mức phụ cấp 1,3 lần mức lương cơ sở/tháng.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, xóm, tổ dân phố khi kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, xóm, tổ dân phố mà giảm được 01 người trong số lượng tối đa được quy định tại khoản 1 Điều này thì được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% hệ số phụ cấp của chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, xóm, tổ dân phố được giao kiêm nhiệm.

3. Trường hợp một người được giao kiêm nhiệm nhiều chức danh thì chỉ được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp của chức danh có hệ số phụ cấp cao nhất.

**Điều 4.** Khoản kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và quy định mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia vào công việc của thôn, xóm, tổ dân phố.

1. Khoản kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã bao gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Hội Nông dân (đối với xã, phường, thị trấn có tổ chức Hội Nông dân), Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh và Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, mức khoán như sau:

- a) Đơn vị hành chính cấp xã loại I: 8.000.000 đồng/tổ chức/năm;
- b) Đơn vị hành chính cấp xã loại II: 7.000.000 đồng/tổ chức/năm;
- c) Đơn vị hành chính cấp xã loại III: 6.000.000 đồng/tổ chức/năm.

2. Quy định mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia vào công việc của thôn, xóm, tổ dân phố:

Mức bồi dưỡng cho người tham gia trực tiếp vào công việc của thôn, xóm, tổ dân phố (ngoài 03 chức danh quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này) bằng 100.000 đồng/người/ngày (08 giờ làm việc), bao gồm cả ngày nghỉ và ngày

lễ, tết theo quy định. Tổng kinh phí hỗ trợ để bồi dưỡng cho các đối tượng trên theo phân loại thôn, xóm, tổ dân phố, như sau:

- a) Thôn, xóm, tổ dân phố loại I: 10.000.000 đồng/năm;
- b) Thôn, xóm, tổ dân phố loại II: 9.000.000 đồng/năm;
- c) Thôn, xóm, tổ dân phố loại III: 8.000.000 đồng/năm.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết các khoản chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp tham gia vào công việc của thôn, tổ dân phố.

**Điều 5.** Các chức danh dưới đây tiếp tục được hưởng phụ cấp hằng tháng theo quy định hiện hành của pháp luật đến khi có quy định khác thay thế của cơ quan có thẩm quyền, cụ thể như sau:

1. Các chức danh ở cấp xã: Phó trưởng Công an xã (áp dụng với xã, thị trấn nơi trước đây chưa bố trí công an chính quy) được hưởng phụ cấp 1,3 lần mức lương cơ sở/tháng; Công an viên thuộc các xã trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự, nhân viên Thú y và nhân viên Khuyến nông - Khuyến lâm (áp dụng đối với đơn vị hành chính cấp xã có hoạt động về lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp) được hưởng phụ cấp 1,0 lần mức lương cơ sở/tháng. Đối với đơn vị hành chính phường, thị trấn (nơi bố trí Công an chính quy), các chức danh Trưởng ban Bảo vệ tổ dân phố được hưởng phụ cấp hệ số 0,6 lần mức lương cơ sở/tháng; Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố hưởng mức phụ cấp hệ số 0,55 lần mức lương cơ sở/tháng;

2. Các chức danh ở thôn, xóm, tổ dân phố: Công an viên (ở thôn, xóm, tổ dân phố) kiêm Phó trưởng xóm, Tổ phó tổ dân phố thuộc xã, thị trấn hoặc Tổ trưởng bảo vệ dân phố (ở phường) kiêm Tổ phó tổ dân phố hưởng phụ cấp hệ số 1,3 lần mức lương cơ sở/tháng (số lượng 01 người/thôn, xóm, tổ dân phố); Thôn đội trưởng hưởng mức phụ cấp 0,5 lần mức lương cơ sở/tháng; Nhân viên y tế ở thôn, xóm thuộc xã vùng khó khăn hưởng mức phụ cấp hệ số 0,5 lần mức lương cơ sở/tháng, Nhân viên y tế ở thôn, xóm thuộc các xã còn lại hưởng mức phụ cấp 0,3 lần mức lương cơ sở/tháng. Đối với Tổ dân phố (tại đơn vị hành chính phường, thị trấn đã bố trí Công an chính quy), các chức danh Tổ phó Bảo vệ dân phố (bố trí 01 người) hưởng mức phụ cấp 0,45 lần mức lương cơ sở/tháng; Nhân viên Bảo vệ dân phố hưởng mức phụ cấp 0,4 lần mức lương cơ sở/tháng (số lượng 3 người đối với tổ dân phố có dưới 100 hộ; 4 người đối với tổ dân phố dưới 200 hộ; 5 người đối với tổ dân phố có dưới 300 hộ; 6 người đối với tổ dân phố dưới 400 hộ và 7 người đối với tổ dân phố có từ 400 hộ trở lên).

### **Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc quy định chức danh số lượng và mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách, khoán kinh phí hoạt động của một số tổ chức ở cấp xã; ở xóm, tổ dân phố.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh cần giải quyết thì kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVI, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020. /.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (CT, các PCT);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐ Văn phòng HĐND tỉnh;
- TT Tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH(V01).

**CHỦ TỊCH**



**Trần Đăng Ninh**